

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 662/2019/DS-PT

Ngày: 24 - 7 - 2019

V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Hiền

Bà Lê Thị Thúy Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Hỷ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Vĩnh Hưng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2019/TLPT-DS ngày 15 tháng 01 năm 2019 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1670/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2790/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 6 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1949; Cư trú tại: 22 đường C, Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1964; Cư trú tại: 21/1/12 đường T, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Đình N, sinh năm: 1974; Cư trú tại: 012 Lô D, chung cư C, đường N, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số công chứng 006685 ngày 15/5/2019 tại Văn phòng Công chứng P, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1934; Cư trú tại: Khu phố B, thị trấn N, huyện N, tỉnh T;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Trường S, sinh năm: 1969; Cư trú tại: Khu phố B, thị trấn N, huyện N, tỉnh T (Giấy ủy quyền lập ngày 04/7/2019 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N, tỉnh T) (có đơn xin vắng mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm: 1941; Cư trú tại: 92A5 S, Khu phố B, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3/ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1946; Cư trú tại: 237/102 đường Đ, Phường 11, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

4/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1955; Cư trú tại: 585/91 Đường C, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt);

5/ Bà Vũ Thị S1, sinh năm: 1931; Cư trú tại: 585/91 Đường C, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của bà S1: Bà Nguyễn Thị Chi L1, sinh năm: 1955 (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 000902 ngày 03/12/2015 tại Phòng công chứng số A, Thành phố Hồ Chí Minh) (có đơn xin vắng mặt).

6/ Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm: 1958; Cư trú tại: 170/16A đường T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Bà Nguyễn Thị Chi L1, sinh năm: 1955 (Theo Giấy ủy quyền số công chứng 033074 ngày 03/12/2015 tại Văn phòng công chứng Hoàng Xuân, Thành phố Hồ Chí Minh) (có đơn xin vắng mặt).

7/ Bà Nguyễn Thị Kim T2, sinh năm: 1967; Cư trú tại: E7/192 Quốc lộ X, ấp E, xã P, Huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

8/ Bà Nguyễn Thị Xuân D1, sinh năm: 1961; Cư trú tại: 585/91 đường Đường C, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

9/ Bà Võ Thị Bích H2, sinh năm: 1972;

10/ Bà Nguyễn Thị Thiên K, sinh năm: 1998;

11/ Em Nguyễn Văn Khánh P1, sinh năm: 2002;

Cùng cư trú tại: 21/1/12 đường T, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật của em P1 là bà Võ Thị Bích H2, sinh năm: 1972 và ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1964.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H2, bà K, em P1: Ông Nguyễn Đình N, sinh năm: 1974; Cư trú tại: 012 Lô D, chung cư C, đường N, Phường G, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số công chứng 006686 ngày 15/5/2019 tại Văn phòng Công chứng P, Thành phố Hồ Chí Minh) (có mặt).

12/ Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm: 1947;

13/ Bà Nguyễn Thị T3 (T4), sinh năm: 1959;

14/ Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm: 1963;

Cùng cư trú tại: Xã T, thành phố L, tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H3, bà T3, bà T5: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1949; Cư trú tại: 22 đường C, Phường E, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh (Giấy ủy quyền lập ngày 16/02/2016 và ngày 09/7/2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố L, tỉnh N) (có mặt).

15/ Bà Nguyễn Thị Thúy L2, sinh năm: 1969 (có đơn xin vắng mặt);

16/ Bà Nguyễn Thị Mai P2, sinh năm: 1976 (có đơn xin vắng mặt);

Cùng cư trú tại: 242/7/16 đường T, Phường C, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

17/ Ông Lê Đình Anh T6, sinh năm: 1973; Cư trú tại: 174/25/29 đường T, Phường 3, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt);

18/ Ông Nguyễn Xuân K1 (chết ngày 15/12/2015);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông K1:

1/ Bà Nguyễn Thị Thúy L2, sinh năm: 1969 (có đơn xin vắng mặt);

2/ Bà Nguyễn Thị Mai P2, sinh năm: 1976 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng cư trú tại: 242/7/16 đường T, Phường C, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bị đơn là ông Nguyễn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Cha mẹ bà là ông Nguyễn Văn K2 (chết năm: 1954) và bà Lê Thị X (chết năm: 1995). Trong quá trình chung sống, ông K2, bà X có tổng cộng 08 người con gồm:

1. Bà Nguyễn Q (sinh năm: 1923, chết năm: 2009), có chồng là ông Nguyễn Bá D2 (chết năm: 1994), có 03 người con là: Bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị T3 (T4), bà Nguyễn Thị T5.

2. Ông Nguyễn Văn T7 (sinh năm: 1928, chết năm: 2010), có vợ là bà Vũ Thị S1, có 05 người con là bà Nguyễn Thị Chi L1, bà Nguyễn Thị Thùy D, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị Kim T2, bà Nguyễn Thị Xuân D1.

3. Ông Nguyễn Ngọc (Văn) T8 (tên khác Lê Thu C2; sinh năm: 1931, chết năm: 2011), có vợ là bà Lương Thị Đức T9 (chết năm: 2015), có 01 người con là ông Lê Đình Anh T6.

4. Bà Nguyễn Thị H1 (sinh năm: 1934).

5. Bà Nguyễn Thị N1 (sinh năm: 1937, chết năm: 2002), có chồng là ông Nguyễn Xuân K1 (chết năm: 2015), có 02 người con là bà Nguyễn Thị Thúy L2 và bà Nguyễn Thị Mai P2.

6. Bà Nguyễn Thị T1 (sinh năm: 1941).

7. Bà Nguyễn Thị C (sinh năm: 1946).

8. Bà Nguyễn Thị T (sinh năm: 1949) .

Khi cha bà còn sống thì cha mẹ bà chưa tạo lập được tài sản nào. Sau khi cha bà chết, vào năm 1956 mẹ bà có tạo lập được nhà đất tại số 21/1/12 T, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà và đất này mẹ bà vẫn thường xuyên đóng thuế nhưng chưa làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 1995, mẹ bà chết không để lại di chúc nên các anh chị em bà là hàng thừa kế của mẹ cùng thỏa thuận để cho ông Nguyễn Văn T7 là con trai đứng ra đại diện khai trình và làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên. Do đó ông Nguyễn Văn T7 đã thay mặt hàng thừa kế của bà X đại diện khai trình và đã được Ủy ban nhân dân Quận C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0223/2005/SDĐ ngày 03/02/2005.

Ngày 21/11/2010, ông Nguyễn Văn T7 chết có làm di chúc cho ông Nguyễn Văn H đại diện phần thừa kế của ông T7 (tờ di chúc lập ngày 06/11/2010 có xác nhận tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh). Tuy nhiên, khi các chị em bà yêu cầu chia căn nhà trên cho các hàng thừa kế của bà X thì ông H không đồng ý mà vẫn cư ngụ tại căn nhà này.

Bà T đã làm đơn yêu cầu Ủy ban nhân dân Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành hòa giải vụ việc vào ngày 08/07/2011 nhưng không thành. Nhà đất tại số 21/1/12 đường T, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản của mẹ bà khi chết để lại chưa chia. Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ghi rõ ông Nguyễn Văn T là đại diện thừa kế khai trình. Do vậy xác định đây là tài sản chung của các hàng thừa kế của bà Lê Thị X. Nay do ông H không đồng ý chia căn nhà trên cho các con của bà X nên bà làm đơn này khởi kiện ông Nguyễn Văn H. Bà thống nhất với kết quả định giá nhà không có thắc mắc khiếu nại về giá. Nay bà yêu cầu được chia cho các hàng thừa kế như trên, bà yêu cầu phần bà được hưởng giá trị 1/8 căn nhà. Trường hợp ông H không nhận lại căn nhà trên thì bà muốn được nhận nhà và sẽ thanh toán lại tiền cho các hàng thừa kế sau khi được Tòa án xác định kỷ phần của từng người được hưởng di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông xác nhận ông Nguyễn Văn K2 (chết năm: 1954) và bà Lê Thị X (chết năm: 1995) có tổng cộng 08 người con gồm: Bà Nguyễn Q; ông Nguyễn Văn T7; ông Nguyễn Văn T8; bà Nguyễn Thị H1; bà Nguyễn Thị N1; bà Nguyễn Thị T1; bà Nguyễn Thị C; bà Nguyễn Thị T. Căn nhà 21/1/12 đường T, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc là do cha của ông là ông Nguyễn Văn T7 đưa tiền cho bà nội là bà Lê Thị X mua, số tiền mua nhà là do ông T7 đi dạy học và đi làm có được, lúc đó không ai nghĩ đến việc tranh giành tài sản như ngày hôm nay cho nên đã khai là do bà Lê Thị X mua. Thời đó cha của ông còn phụ với bà Lê Thị X tài chính để nuôi các em là các cô hiện tại đang khởi kiện tranh chấp tài sản, bởi vì lúc đó do chiến tranh loạn lạc, bà nội ông là bà Lê Thị X ra đi khỏi quê hương không có tài sản gì cả. Đây là lời nói của cha ông là ông Nguyễn Văn T7 kể lại cho ông nghe, tuy nhiên chứng cứ cụ

thể thì ông không có, chỉ nghe ba ông kể lại, từ lúc mua cho đến nay tiền sửa chữa căn nhà trên là do cha ông bỏ ra, tuy nhiên số tiền cụ thể bao nhiêu thì ông không nhớ do cũng lâu quá rồi. Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông hưởng phần di sản thừa kế theo nội dung di chúc của ông Nguyễn Văn T7 đề ông tiếp tục thờ cúng ông bà như cha ông đã làm trước đến nay.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyên trình bày: Bà xác định nguồn gốc căn nhà và hàng thừa kế như nguyên đơn trình bày. Năm 2010, ông Nguyễn Văn T7 chết có để lại di chúc cho ông Nguyễn Văn H đại diện phần thừa kế của ông Nguyễn Văn T7. Tuy nhiên, khi bà và mọi người yêu cầu chia căn nhà trên cho các hàng thừa kế của bà X thì ông H không đồng ý mà vẫn cư ngụ tại căn nhà trên. Nên yêu cầu Tòa án chia cho các hàng thừa kế theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà xác định nguồn gốc căn nhà và hàng thừa kế như nguyên đơn trình bày. Năm 2010, ông Nguyễn Văn T7 chết có để lại di chúc cho ông Nguyễn Văn H đại diện phần thừa kế của ông Nguyễn Văn T7. Tuy nhiên, khi bà và mọi người yêu cầu chia căn nhà trên cho các hàng thừa kế của bà X thì ông H không đồng ý mà vẫn cư ngụ tại căn nhà trên. Các bên đã yêu cầu Ủy ban nhân dân Phường B, Quận C hòa giải nhưng không thành. Vì vậy mong Tòa án giải quyết vụ kiện và đề nghị chia đều nhà đất trên cho các con của bà X theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H1 có ông Hồ Trường Sơn là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Bà H1 xác định căn nhà trên là của bà Lê Thị X chết để lại và không có lập di chúc, thống nhất với trình bày của nguyên đơn là bà X có 08 người con và đề nghị chia thành 08 phần, đồng thời đề nghị trích lại một phần nhỏ cho bà S1 để hưởng tuổi già. Ông không có thắc mắc khiếu nại về kết quả định giá nhà và chấp nhận giá do Hội đồng định giá đã định.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị S1, bà Nguyễn Thị Chi L1, bà Nguyễn Thị Kim T2, bà Nguyễn Thị Xuân D1, bà Nguyễn Thị Thùy D (bà S1, bà T2, bà Dung, bà D có bà Lan đại diện ủy quyền) trình bày: Căn nhà số 21/1/12 đường T, Phường B, Quận C là do bà nội là bà Lê Thị X và bố mẹ bà là ông Nguyễn Văn T và bà Vũ Thị S1 cùng mua. Bà X chết không để lại di chúc, nay bà T yêu cầu chia thừa kế là căn nhà trên bà đồng ý, và có nguyện vọng cho mẹ bà một phần để mua 01 căn nhà nhỏ hưởng tuổi già.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Võ Thị Bích H2, bà H2 đồng thời là người đại diện hợp pháp của em Nguyễn Văn Khánh P1 trình bày: Bà và ông H kết hôn vào năm 1994 và sinh sống tại nhà trên từ khi kết hôn với ông H cho đến nay. Bà đi làm thường xuyên nên không hiểu nhiều về gia đình chồng, cho đến năm 2010 bố chồng bà là ông

Nguyễn Văn T7 phát bệnh và qua đời, trong lúc bệnh ông T7 đã lập di chúc để lại Căn nhà 21/1/12 đường T, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh cho chồng bà là ông H, theo bà được biết thì căn nhà trên là của ông Nguyễn Văn T7 (bố chồng bà). Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo di chúc của ông T7 để lại.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thiên K: Thống nhất với lời trình bày của bà H2, xác định căn nhà trên là của ông nội là ông Nguyễn Văn T7, sau khi ông T7 mất có để lại di chúc cho ông Nguyễn Văn H, mong Tòa án giải quyết và thực hiện theo nội dung di chúc do ông T7 để lại.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị T3 (T4), bà Nguyễn Thị T5 cùng ủy quyền cho bà Nguyễn Thị T trình bày: Thống nhất với yêu cầu của nguyên đơn về hàng thừa kế và nguồn gốc Căn nhà 21/1/12 đường T, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thúy L2 và bà Nguyễn Thị Mai P2, đồng thời bà L2 và bà P2 còn có tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Xuân K1 trình bày: Ba mẹ bà là ông Nguyễn Văn K1 (mất năm 2015) và bà Nguyễn Thị N1 (mất năm 2002). Quá trình chung sống bà N1 và ông K1 có hai người con là bà Nguyễn Thị Thúy L2 và bà Nguyễn Thị Mai P2. Bà N1 là con của ông Nguyễn Văn K2 và bà Lê Thị X. Theo bà được biết thì căn nhà trên là do bà Nguyễn Thị X tạo lập được. Hiện nay các đồng thừa kế của bà X gửi đơn đến Tòa án nhân dân Quận C để yêu cầu chia tài sản trên thì bà thống nhất ý kiến với nguyên đơn, do bà không có sinh sống tại nhà đó nên không biết được ai là người sửa chữa nhà, nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà không có thắc mắc hay khiếu nại về kết quả định giá ngày 29/7/2016.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Đình Anh T6 trình bày: Ông xác định nguồn gốc căn nhà và hàng thừa kế như nguyên đơn trình bày, tuy nhiên vì là con nên ông nắm rõ nội dung sự việc và những sự việc đã xảy ra trước đây, ông thống nhất với nội dung thỏa thuận của những người trong gia đình. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về nhân thân của bà ông thì theo ông được biết trước đây vì trốn đi lính quân dịch nên khoảng năm 1958 ba ông từ ngoài Bắc vào Sài Gòn, và để không bị phát hiện ba ông đã bỏ toàn bộ giấy tờ cũ liên quan đến mình và làm lại giấy khai sinh khác vào năm 1958 lấy tên là Lê Thu C2. Còn trong giấy khai sinh thể hiện ông Lê Thu C2 là con của ông Lê Mạnh Liên và bà Nguyễn Thị N2, hai người này là ai ông cũng không biết và chưa gặp bao giờ, ông chỉ biết bà nội là Lê Thị X cho đến lúc bà mất. Tuy giấy khai sinh tên Lê Thu C2 nhưng từ lúc còn sống mọi người đều gọi ba ông là Nguyễn Ngọc T8 hay Văn T8 không ai sử dụng tên Lê Thu C2. Ông đã cung cấp hình ảnh của ba mẹ ông khi đám cưới, có bà nội là bà Lê Thị X là cơ sở chứng minh ba ông là

con của bà Lê Thị X, ngoài ra thì còn có hình ảnh đám tang bà Lê Thị X nhưng ông không có hình ảnh, người lưu giữ hình ảnh là chồng của bà T2 con ông Trí. Ông không có tranh chấp về hàng thừa kế, ông xác nhận ông bà nội ông có 08 người con đúng như nguyên đơn trình bày trong đó có ông Nguyễn Văn (Ngọc) T8 là ba của ông với tên khai sinh là Lê Thu C2, trong gia đình các bác còn sống đều thống nhất xác nhận cha ông là con của bà Lê Thị X và ông Nguyễn Văn K2. Về bì thư mà bà Lan cung cấp cho Tòa án, người gửi là ông Hoàng bên Mỹ, người nhận là ông Nguyễn Ngọc T8 đến địa chỉ 174/25/29 đường T, Phường 3, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, ông xác nhận đó là của người chú bên Mỹ thường gửi thư và tiền về nhà cho cha ông là ông Lê Thu C2, địa chỉ đó là nơi ông và cha ông sinh sống. Ngoài những chứng cứ và nội dung trình bày nêu trên, ông không có chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là di sản do bà nội ông để lại ông có ý kiến như sau, trường hợp có cơ sở chấp nhận ông Lê Thu C2 và ông Nguyễn Văn (Ngọc) T8 là cùng một người thì ông yêu cầu được nhận phần thừa kế mà ông được hưởng của ba ông. Trường hợp không có cơ sở thì đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1670/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 207, Điều 208, Điều 210, khoản 1 Điều 273 và điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 5, Điều 612, Điều 623, khoản 4 Điều 628, Điều 630, Điều 635, khoản 1 Điều 644, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 652, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm f khoản 1 Điều 11, điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T:

1.1 Xác định căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số 21/1/12 T, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H0223/2005/SDĐ ngày 03/02/2005 của Ủy ban nhân dân Quận C là di sản của bà Lê Thị X chết để lại, có trị giá 3.636.370.050 đồng.

1.2. Xác định những người thừa kế theo pháp luật của bà X bao gồm:

- Bà Nguyễn Q (mất năm 2009)
- Ông Nguyễn Văn T (mất năm 2010)

- Ông Lê Thu C2 (tên khác Nguyễn Ngọc (Văn) T8 mất năm 2011)
- Bà Nguyễn Thị H1
- Bà Nguyễn Thị N1 (chết năm: 2002).
- Bà Nguyễn Thị T1
- Bà Nguyễn Thị C
- Bà Nguyễn Thị T

1.3. Xác định những người thừa kế thế vị được hưởng từ di sản của bà Lê Thị X bao gồm: Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T3 (T4), bà Nguyễn Thị Hợi, bà Nguyễn Thị Thư, bà Nguyễn Thị Mai P2, bà Nguyễn Thị Thúy L2 và ông Lê Đình Anh T6.

1.4. Mỗi đồng thừa kế được chia thừa kế theo tỷ lệ như sau:

- Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H1, ông Lê Đình Anh T6 mỗi người được 1/8 kỷ phần di sản thừa kế tương đương 454.546.256 đồng.

- Các bà Nguyễn Thị T3 (T4), bà Nguyễn Thị Thư, bà Nguyễn Thị Hợi mỗi người 1/24 kỷ phần di sản thừa kế tương đương 151.515.418 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Thúy L2 và bà Nguyễn Thị Mai P2 mỗi người được hưởng 1/16 kỷ phần di sản thừa kế (1/8:1/2) tương đương 227.273.128 đồng.

- Bà Nguyễn Thị S1 được hưởng 2/3 của một suất thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phần di sản của ông Nguyễn Văn T (1/48:2/3) tương đương 50.505.140 đồng.

- Ông Nguyễn Văn H được hưởng 1/8 kỷ phần di sản thừa kế của bà X sau khi trừ đi phần thừa kế của bà S1 không phụ thuộc nội dung di chúc [1/8-(1/48:2/3)] tương đương 404.041.116 đồng.

2. Di sản thừa kế được chia như sau:

2.1. Giao cho bà Nguyễn Thị T được trọn quyền sở hữu Căn nhà 21/1/12 đường T, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế còn lại cụ thể:

Thanh toán cho bà Nguyễn Thị Tuyên, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H1, ông Lê Đình Anh T6 mỗi người là 454.546.256 đồng.

Thanh toán cho bà Nguyễn Thị T3 (T4), bà Nguyễn Thị T5, bà Nguyễn Thị H3 mỗi người là 151.515.418 đồng.

Thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thúy L2 và bà Nguyễn Thị Mai P2 mỗi người là 227.273.128 đồng.

Thanh toán cho ông Nguyễn Văn H là 404.041.116 đồng và bà Vũ Thị S1 là 50.505.140 đồng.

Thực hiện thanh toán trong thời hạn 01 tháng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Sau khi bà Nguyễn Thị T thanh toán đủ số tiền trên cho các đồng thừa kế, bà Nguyễn Thị T được quyền liên hệ cơ quan chức năng để làm thủ tục cấp, thay đổi giấy tờ sở hữu đối với Căn nhà 21/1/12 đường T, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị T phải nộp các khoản thuế, lệ phí theo quy định pháp luật.

2.3. Trường hợp bà Nguyễn Thị T không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền như trên thì Cơ quan Thi hành án dân sự được quyền kê biên, bán đấu giá Căn nhà 21/1/12 đường T, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Số tiền thu được từ việc bán đấu giá (sau khi trừ các chi phí phải nộp theo quy định pháp luật) sẽ được chia cho các đồng thừa kế theo tỉ lệ như đã phân tích tại bản án.

2.4. Trường hợp bà Nguyễn Thị T chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho các đồng thừa kế còn lại thì bà Nguyễn Thị T còn chịu tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thực hiện tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3 . Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị T đã tạm nộp án phí là 10.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án số AB/2012/09894 ngày 30/10/2015 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận C. Hoàn lại cho bà T số tiền là 10.500.000 đồng.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho các bà Nguyễn Thị T1, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H1 và bà Vũ Thị S1.

- Ông Lê Đình Anh T6 phải chịu án phí là 22.181.850 đồng.

- Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí là 20.161.645 đồng.

- Bà Nguyễn Thị T3 (T4), Nguyễn Thị H3, Nguyễn Thị T5 mỗi người phải chịu là 7.575.771 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Mai P2, bà Nguyễn Thị Thúy L2 mỗi người phải chịu là 11.363.656 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự và quy định về thi hành án.

Ngày 07/12/2018, ông Nguyễn Văn H nộp đơn kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 1670/2018/DS-ST ngày 28/11/2018 của Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18/7/2019 và ngày 23/7/2019, ông Hồ Trường Sơn, bà Nguyễn Thị Mai P2, bà Nguyễn Thị Thúy L2, ông Lê Đình Anh T6, bà Nguyễn Thị Tuyên, bà Nguyễn Thị Chính, bà Nguyễn Thị Chi L1 có đơn trình bày nội dung xác định

các ông bà đồng ý với ý kiến của bà Nguyễn Thị T, ý kiến của bà T cũng là ý kiến của các ông bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các D sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

- Xác định căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số 21/1/12 đường T, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 655847, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số H0223/2005/SDĐ ngày 03/02/2005 của Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của bà Lê Thị X chết để lại, trị giá 3.600.000.000 (Ba tỷ sáu trăm triệu) đồng.

- Xác định những người thừa kế theo pháp luật của bà X bao gồm: Bà Nguyễn Q (chết năm: 2009); ông Nguyễn Văn T (chết năm: 2010); ông Lê Thu Châu (tên khác Nguyễn Ngọc (Văn) T8 chết năm: 2011); bà Nguyễn Thị H1; bà Nguyễn Thị N1 (chết năm: 2002); bà Nguyễn Thị T1; bà Nguyễn Thị C; bà Nguyễn Thị T.

- Xác định những người thừa kế thế vị được hưởng từ di sản của bà Lê Thị X bao gồm: Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T3 (T4), bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị T5, bà Nguyễn Thị Mai P2, bà Nguyễn Thị Thúy L2 và ông Lê Đình Anh T6.

- Di sản thừa kế được chia như sau:

Giao cho ông Nguyễn Văn H được trọn quyền sở hữu Căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số 21/1/12 đường T, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế còn lại cụ thể như sau: Thanh toán cho bà Nguyễn Thị Tuyên, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H1, ông Lê Đình Anh T6 mỗi người số tiền là 450.000.000 đồng; thanh toán cho bà Nguyễn Thị T3 (T4), bà Nguyễn Thị T5, bà Nguyễn Thị H3 mỗi người số tiền là 150.000.000 đồng; thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thúy L2 và bà Nguyễn Thị Mai P2 mỗi người số tiền là 225.000.000 đồng; thanh toán cho bà Vũ Thị S1 số tiền là 50.000.000 đồng. Thực hiện thanh toán trong thời hạn 03 tháng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ông Nguyễn Văn H thanh toán đủ số tiền trên cho các đồng thừa kế, ông Nguyễn Văn H được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp, thay đổi giấy tờ sở hữu đối với Căn nhà số 21/1/12 đường T, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Văn H phải nộp các khoản thuế, lệ phí theo quy định pháp luật.

Trường hợp ông Nguyễn Văn H không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền như đã thỏa thuận nêu trên thì Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền được quyền kê biên, bán đấu giá Căn nhà số 21/1/12 đường T, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh để thi hành án.

Trường hợp ông Nguyễn Văn H chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho các đồng thừa kế còn lại thì ông Nguyễn Văn H còn chịu tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thực hiện tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở phúc thẩm như sau:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được chấp nhận.

- Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 330 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình T: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn H trong hạn luật định nên được chấp nhận.

[2] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị Chi L1, bà Nguyễn Thị Thúy L2, bà Nguyễn Thị Mai P2, ông Lê Đình Anh T6 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[3] Về nội dung:

Ngày 18/7/2019 và ngày 23/7/2019, ông Hồ Trường S, bà Nguyễn Thị Mai P2, bà Nguyễn Thị Thúy L2, ông Lê Đình Anh T6, bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Chi L1 có đơn trình bày nội dung xác định các ông bà đồng ý với ý kiến của bà Nguyễn Thị T, ý kiến của bà T cũng là ý kiến của các ông bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như đã trình bày ở phần trên. Việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, căn cứ Điều 330 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015,

Hội đồng xét xử sửa bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 269, Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 1670/2018/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1 Xác định Căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số 21/1/12 đường T, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 655847, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận số H0223/2005/SDĐ ngày 03/02/2005 của Ủy ban nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản của bà Lê Thị X chết để lại, có trị giá 3.600.000.000 (Ba tỷ sáu trăm triệu) đồng.

1.2 Xác định những người thừa kế theo pháp luật của bà X bao gồm: Bà Nguyễn Q (chết năm: 2009); ông Nguyễn Văn T (chết năm: 2010); ông Lê Thu C2 (tên khác Nguyễn Ngọc (Văn) T8 chết năm: 2011); bà Nguyễn Thị H1; bà Nguyễn Thị N1 (chết năm: 2002); bà Nguyễn Thị T1; bà Nguyễn Thị C; bà Nguyễn Thị T.

1.3 Xác định những người thừa kế thế vị được hưởng từ di sản của bà Lê Thị X bao gồm: Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị T3 (T4), bà Nguyễn Thị H3, bà Nguyễn Thị T5, bà Nguyễn Thị Mai P2, bà Nguyễn Thị Thúy L2 và ông Lê Đình Anh T6.

1.4 Di sản thừa kế được chia như sau:

- Ông Nguyễn Văn H được trọn quyền sở hữu Căn nhà và đất tọa lạc tại địa chỉ số 21/1/12 đường T, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ thanh toán cho các đồng thừa kế còn lại cụ thể như sau:

+ Thanh toán cho bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H1, ông Lê Đình Anh T6 mỗi người số tiền là 450.000.000 (Bốn trăm năm mươi triệu) đồng.

+ Thanh toán cho bà Nguyễn Thị T3 (T4), bà Nguyễn Thị T5, bà Nguyễn Thị H3 mỗi người số tiền là 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

+ Thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thúy L2 và bà Nguyễn Thị Mai P2 mỗi người số tiền là 225.000.000 (Hai trăm hai mươi lăm triệu) đồng.

+ Thanh toán cho bà Vũ Thị S1 số tiền là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

Thực hiện thanh toán trong thời hạn 03 (Ba) tháng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Sau khi ông Nguyễn Văn H thanh toán đủ số tiền trên cho các đồng thừa kế, ông Nguyễn Văn H được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp, thay đổi giấy tờ sở hữu đối với Căn nhà số 21/1/12 đường T, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Văn H phải nộp các khoản thuế, lệ phí theo quy định pháp luật.

Trường hợp ông Nguyễn Văn H không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tiền như đã thỏa thuận nêu trên thì Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền được quyền kê biên, bán đấu giá Căn nhà số 21/1/12 đường T, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh để thi hành án.

Trường hợp ông Nguyễn Văn H chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cho các đồng thừa kế còn lại thì ông Nguyễn Văn H còn chịu tiền lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thực hiện tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

2.1 Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà T đã tạm nộp là 10.500.000 (Mười triệu năm trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AB/2012/09894 ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H1, bà Vũ Thị S1, bà Nguyễn Thị T3 (T4), bà Nguyễn Thị Họi là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lê Đình Anh T6 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 22.000.000 (Hai mươi hai triệu) đồng.

- Ông Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

- Bà Nguyễn Thị T5 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.500.000 (Bảy triệu năm trăm nghìn) đồng.

- Bà Nguyễn Thị Mai P2, bà Nguyễn Thị Thúy L2 mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.250.000 (Mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng.

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn H số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông H đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0021522 ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm thi hành án.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận C, TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu (T36).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thoa